

Thứ hai, ngày 18 tháng 10 năm 2021

Vietnam Daily Review

Phiên tăng nhẹ

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 19/10/2021		•	
Tuần 18/10-22/10/2021		•	
Tháng 10/2021		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Thị trường hôm nay trải qua một phiên tăng điểm nhẹ. Trong 6/19 ngành mang sắc xanh, dòng tiền chủ yếu đổ vào ngành Điện, nước & xăng dầu khí đốt khi ngành này tăng gần 3%, theo sau là Dịch vụ tài chính và Dầu khí với mức tăng hơn 1%. Thanh khoản thị trường tăng nhẹ, tuy nhiên độ rộng thị trường đang hướng về tiêu cực cho thấy dòng tiền đang co cụm vào 1 số cổ phiếu. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này đồng loạt bán ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Xu hướng vận động tích lũy vẫn sẽ duy trì trong các phiên tới

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc mở vị thế bán với cái các HĐTL ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 18/10/2021, các chứng quyền phân hóa theo xu hướng giằng co của thị trường. Giá trị giao dịch giảm mạnh.

Phân tích kỹ thuật: SD9_Tín hiệu tích cực (Trang 2)

Cập nhật: DPM – MUA – TP VND 48,800 - UPSIDE 17.6%

Điểm nhấn

- VN-Index +2.83 điểm, đóng cửa 1,395.53 điểm. HNX-Index +0.04 điểm, đóng cửa 384.88 điểm.
- Kéo chỉ số tăng: GAS (+2.32), VPB (+1.06), HPG (0.70), MSN (+0.62), PDR (+0.35).
- Kéo chỉ số giảm: CTG (-0.56), VCB (-0.48), SAB (-0.46), GVR (-0.36), MWG (-0.31)
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 22,454 tỷ đồng, tăng 9.5% so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 23,653 tỷ đồng.
- Biên độ dao động là 12 điểm. Thị trường có 193 mã tăng, 38 mã tham chiếu và 245 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: -606.95 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm HPG (-184.38 tỷ), SSI (-93.35 tỷ), GMD (-80.81 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị -5.73 tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

VN-INDEX 1395.53

Giá trị: 22453.57 tỷ 2.83 (0.2%)

Khối ngoại (ròng): -606.95 tỷ

HNX-INDEX 384.88

Giá trị: 2764.6 tỷ 0.04 (0.01%)

Khối ngoại (ròng): -5.73 tỷ

UPCOM-INDEX 99.37

Giá trị: 2186.8 tỷ -0.07 (-0.07%)

Khối ngoại (ròng): -50.26 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	83.4	1.31%
Giá vàng	1,764	-0.23%
Tỷ giá USD/VND	22,758	0.04%
Tỷ giá EUR/VND	26,361	-0.10%
Tỷ giá JPY/VND	19,903	0.02%
LS liên NH 1 tháng	1.1%	17.07%
LS TPCP 5 năm	1.0%	0.00%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
STB	80.9	HPG	-184.4
HAH	50.2	SSI	-93.4
FUESSVFL	35.4	GMD	-80.9
VHC	24.1	KBC	-68.4
HDB	18.6	CTG	-62.4
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 2
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Cập nhật doanh nghiệp	Trang 5
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Khuyến nghị dài hạn	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

Phân tích kỹ thuật
SD9_Tín hiệu tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD sắp cắt lên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: vùng trung lập, xu hướng tăng.

Nhận định: SD9 đang nằm trong xu hướng hồi phục từ vùng đáy 9.0. Thanh khoản cổ phiếu đã vượt lên ngưỡng trung bình 20 phiên, đồng thuận với đà tăng giá của cổ phiếu. Đồng thời, đường giá cổ phiếu đã vượt lên 2 đường MA20 và MA50, củng cố vị thế tăng giá ngắn hạn. Chỉ báo MACD đang dần chuyển sang xu hướng tích cực trong khi chỉ báo RSI ủng hộ xu hướng tăng giá này. Nhà đầu tư có thể mở vị thế quanh ngưỡng giá 10.3, chốt lãi khi cổ phiếu tiếp cận ngưỡng 12.35 và cắt lỗ nếu cổ phiếu mất ngưỡng hỗ trợ 9.0.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

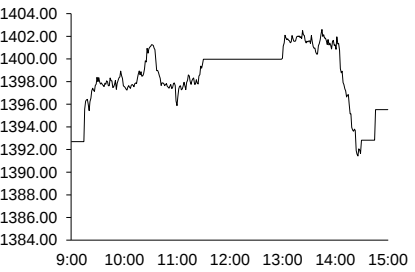
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Ô tô và phụ tùng	-1.69%
Hóa chất	-1.26%
Bán lẻ	-1.15%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-1.13%
Truyền thông	-0.88%
Du lịch và Giải trí	-0.77%
Thực phẩm và đồ uống	-0.34%
Ngân hàng	-0.28%
Y tế	-0.26%
Bất động sản	-0.16%
Bảo hiểm	-0.09%
Xây dựng và Vật liệu	-0.09%
Viễn thông	0.00%
Công nghệ Thông tin	0.17%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.24%
Tài nguyên Cơ bản	0.62%
Dầu khí	1.31%
Dịch vụ tài chính	1.38%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	2.87%

Hình 1

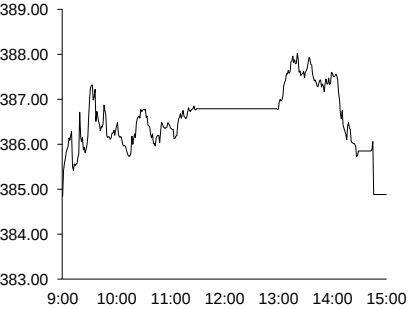
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
15/10/21	TDT	14.6	17	13.5	14.7	3	0.68%	Có thể tiếp tục mua
14/10/21	HVH	10.2	11.8	9.8	10.25	4	0.49%	Có thể tiếp tục mua
13/10/21	VNP	22.5	25	21.5	22.5	5	0.00%	Có thể tiếp tục mua
12/10/2021	NSH	18.7	20.8	17.5	18.5	6	-1.07%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/10/2021	VSC	62.5	70	60	64.8	10	3.68%	Có thể giữ nguyên vị thế
7/10/2021	TIP	43.3	48	41	42.05	11	-2.89%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/10/2021	DRC	33.7	37	31.3	32.4	12	-3.86%	Có thể tiếp tục mua
5/10/2021	VGC	34.65	38.5	32.5	34.25	13	-1.15%	Có thể giữ nguyên vị thế
4/10/2021	GVR	37.1	44.5	36	37.95	14	2.29%	Có thể tiếp tục mua
1/10/2021	CII	18.5	20.5	17.7	19.25	17	4.05%	Có thể tiếp tục mua
30/9/21	EVG	12.15	14	11.2	12.1	18	-0.41%	Có thể giữ nguyên vị thế
29/9/21	NT2	20.8	23.5	20	22.25	19	6.97%	Có thể tiếp tục mua
28/9/21	HPG	52.6	61.2	50.2	57.9	20	10.08%	Có thể tiếp tục mua
15/9/21	VRE	28.55	32	27	30.85	33	8.06%	Có thể tiếp tục mua
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

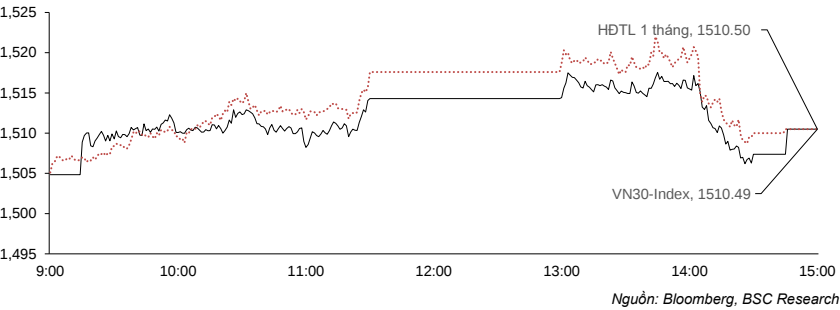
Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
24/9/21	TCH	18.05	21	17	SL	17	-5.82%
23/9/21	LHG	50.8	59	48.5	SL	5	-4.53%
22/9/21	PNJ	93.1	100.2	90.8	SL	6	-2.47%
21/9/21	MIG	25.75	29.5	23.75	SL	6	-7.77%
17/9/21	PTB	105.9	115.4	98.45	TP	14	8.97%
16/9/21	BMI	35.8	38	34	TP	5	6.15%
14/9/21	PXS	6.24	7.2	5.8	TP	9	15.38%
8/9/2021	SGT	22.6	26.5	19.75	TP	7	17.26%
7/9/2021	HVN	22.1	25	20.5	TP	3	13.12%
6/9/2021	HAX	23.15	27.5	21.5	SL	3	-7.13%
27/8/21	HBC	13.81	16.19	12.86	TP	38	17.23%
26/8/21	VTO	10.15	12	9.3	TP	12	18.23%
25/8/21	POW	11.25	13.5	10.5	TP	-4	20.00%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	9	5	4.03%	-1.88%	1.92%	13
Cổ phiếu đã chốt	196	129	14.20%	-7.82%	5.46%	25

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2110	1510.50	0.40%	0.01	0.3%	148,406	10/21/2021	5
VN30F2111	1510.00	0.59%	-0.49	200.2%	4,440	11/18/2021	33
VN30F2112	1507.90	0.46%	-2.59	-10.0%	36	12/16/2021	61
VN30F2203	1504.70	0.68%	-5.79	32.6%	57	3/17/2022	152

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

• VN30 Index tăng +5.65 điểm lên 1510.49 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như HPG, VPB, MSN, TCB, PDR tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. VN30 giành phần lớn thời gian giao dịch vận động tăng trên ngưỡng 1510 điểm nhưng đã đảo chiều giảm điểm vào cuối phiên. Xu hướng vận động tích lũy dự trong vùng 1500-1520 điểm sẽ tiếp tục.

• Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2112, các hợp đồng đều tăng. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2203, các hợp đồng đều giảm. Nhà đầu tư có thể cân nhắc mở vị thế bán với cái các HĐTL ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CKDH2104	1/19/2022	93	2:1	865,800	32.07%	3,500	2,490	5.06%	1,632	1.53	51,000	44,000	44,300
CTCB2109	3/7/2022	140	4:1	730,900	37.56%	2,200	2,810	4.07%	1,733	1.62	58,800	50,000	52,900
CVPB2108	7/3/2022	258	5:1	1,241,600	37.24%	2,200	2,660	3.91%	11	252.37	75,500	64,500	38,400
CVRE2109	3/7/2022	140	4:1	814,300	38.69%	1,100	1,340	3.88%	1,043	1.29	33,400	29,000	30,800
CVRE2106	1/6/2022	80	2:1	1,294,100	38.69%	2,300	2,300	3.60%	2,021	1.14	39,500	28,000	30,800
CTCB2105	5/4/2022	198	5:1	620,300	37.56%	3,600	3,400	2.10%	2,218	1.53	63,000	45,000	52,900
CHPG2114	4/27/2022	191	10:1	989,200	36.48%	1,200	1,330	1.53%	728	1.83	68,789	56,789	57,900
CHPG2110	12/6/2021	49	5:1	375,400	36.48%	2,400	3,210	0.63%	2,845	1.13	56,000	44,000	57,900
CMWG2109	2/10/2022	115	3.32:1	188,100	35.48%	4,000	7,460	0.27%	6,780	1.10	126,243	112,954	130,700
CMSN2105	1/6/2022	80	5:1	164,300	39.95%	5,000	4,600	0.22%	4,032	1.14	153,000	128,000	143,000
CHPG2109	1/10/2022	84	1:1	91,400	36.48%	4,000	8,020	0.00%	5,909	1.36	59,000	55,000	57,900
CFPT2105	1/6/2022	80	4.95:1	323,600	31.21%	3,500	4,020	-0.25%	3,151	1.28	103,500	86,000	99,000
CHPG2113	3/7/2022	140	4:1	398,100	36.48%	2,400	3,550	-0.56%	2,347	1.51	61,100	51,500	57,900
CHPG2111	1/6/2022	80	5:1	1,280,500	36.48%	1,700	2,750	-0.72%	2,188	1.26	56,500	48,000	57,900
CSTB2109	3/7/2022	140	2:1	885,700	44.69%	2,300	1,830	-1.08%	1,173	1.56	33,600	29,000	26,900
CMWG2104	3/22/2022	155	10:1	121,900	35.48%	2,400	7,350	-1.87%	1,148	6.41	159,000	135,000	130,700
CMWG2107	1/6/2022	80	5:1	468,900	35.48%	6,600	7,980	-2.68%	209	38.27	198,000	165,000	130,700
CFPT2103	1/7/2022	81	5:1	277,600	31.21%	3,000	2,660	-3.27%	1,154	2.30	115,000	100,000	99,000
CMWG2106	1/7/2022	81	10:1	871,800	35.48%	3,000	3,580	-6.53%	33	108.45	210,000	180,000	130,700
CPNJ2105	1/6/2022	80	5:1	531,500	30.81%	3,300	2,190	-11.34%	1,561	1.40	26,000	9,500	99,000
Tổng				11,669,200	36.73%**								

Chú thích: Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
**Trung bình độ lệch chuẩn

CR: Tỷ lệ chuyển đổi
Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn
*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

Nhận định:

• Trong phiên giao dịch ngày 18/10/2021, các chứng quyền phân hóa theo xu hướng giằng co của thị trường.

• CPNJ2107 và CPDR2103 tăng mạnh lần lượt là 15.29% và 8.94%. Giá trị giao dịch giảm mạnh -28.21%. CMWG2107 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 7.59% thị trường.

• CVPB2105, CVPB2106, và CHDB2102là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CMWG2104, CHPG2109, và CMWG2109 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CMWG2109, CMSN2105, và CHPG2109 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

DPM – MUA – TP VND 48,800 - UPSIDE 17.6%

Xu hướng giá phân bón:

Giá than tại Trung Quốc đã tăng lên mức cao kỷ lục, đạt 276 USD/tấn do tình trạng khan hiếm nguồn cung trầm trọng. Bên cạnh đó, giá khí đốt cũng tăng cao khiến nhiều nhà máy phân bón ngừng hoạt động hoặc cắt giảm sản lượng, ảnh hưởng đến nguồn cung và đẩy giá phân bón lên cao. Giá phân Ure đã vượt 620 USD/tấn, bên cạnh đó giá phân bón MAP và DAP cũng đã vượt 800 USD và 700 USD/tấn, và là mức kỷ lục trong vòng 10 năm qua. Vì vậy, giá phân ure và các loại phân bón khác như DAP, kali, NPK... trong nước dự kiến sẽ tiếp tục tăng trong thời gian tới.

Dự báo kết quả kinh doanh:

BSC đánh giá việc giá phân ure trong nước vượt 16,000 VND/Kg, cùng với việc nhu cầu tiêu thụ nội địa tiếp tục duy trì ở mức cao trong Q4/2021, sẽ là yếu tố tích cực hỗ trợ lợi nhuận của nhóm phân bón. Vì vậy, BSC dự báo doanh thu và lợi nhuận năm 2021 của DPM lần lượt ước đạt 11,732 tỷ VND (+51% yoy) và LNST đạt 2,014 tỷ VND (+191% yoy). EPS FW 2021 = 4,525 VND/CP.

Định giá:

BSC khuyến nghị MUA cổ phiếu DPM trong năm 2021 với giá mục tiêu 48,800 VNĐ/CP (+17.6% so với giá đóng cửa ngày 18/10/2021) dựa trên 2 phương pháp P/E và FCFF với tỷ lệ 50%-50%.



Phân tích kỹ thuật:

Xu hướng hiện tại: Tích lũy
Hỗ trợ gần nhất: 41.11 - Kháng cự gần nhất: 43.75
Quan điểm sắp tới: Xu hướng tích lũy kéo dài
Giá mục tiêu: 48.84 - Cắt lỗ: 41.11

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	130.7	-1.3%	0.9	4,051	8.4	6,428	20.3	5.1	49.0%	27.3%
PNJ	Bán lẻ	99.0	-1.5%	1.0	979	3.5	5,812	17.0	3.9	48.6%	25.3%
BVH	Bảo hiểm	59.6	-0.3%	1.4	1,924	3.7	2,522	23.6	2.1	26.6%	9.2%
PVI	Bảo hiểm	46.5	1.5%	0.5	452	2.6	3,491	13.3	1.4	55.8%	10.8%
VIC	Bất động sản	92.6	0.0%	0.7	15,320	8.2	1,767	52.4	3.9	13.8%	7.7%
VRE	Bất động sản	30.8	1.0%	1.1	3,043	7.5	1,195	25.8	2.3	30.0%	9.3%
VHM	Bất động sản	78.9	0.3%	1.0	14,937	15.6	7,714	10.2	3.5	22.9%	40.2%
DXG	Bất động sản	21.4	-0.7%	1.3	555	5.2	1,379		1.5	29.1%	11.0%
SSI	Chứng khoán	40.9	0.2%	1.5	1,745	20.1	1,861	21.9	3.6	44.4%	16.5%
VCI	Chứng khoán	64.2	3.0%	1.0	930	20.8	3,466	18.5	4.0	20.2%	25.4%
HCM	Chứng khoán	38.7	1.6%	1.6	769	6.5	2,210	17.5	3.2	47.4%	19.4%
FPT	Công nghệ	99.0	0.1%	0.9	3,906	9.8	4,234	23.4	5.4	49.0%	24.1%
FOX	Công nghệ	81.3	-0.6%	0.4	1,161	0.1	4,304	18.9	5.7	0.0%	30.0%
GAS	Dầu khí	116.5	4.0%	1.3	9,695	15.7	4,077	28.6	4.8	2.6%	16.2%
PLX	Dầu khí	54.4	1.5%	1.5	3,005	5.0	3,216	16.9	2.8	17.7%	17.9%
PVS	Dầu khí	29.5	2.8%	1.7	613	21.8	1,136	26.0	1.2	8.0%	4.4%
BSR	Dầu khí	23.8	3.5%	0.8	3,208	18.7	(909)		2.4	41.1%	-8.7%
DHG	Dược	97.9	-0.2%	0.3	557	0.1	5,761	17.0	3.7	54.4%	22.8%
DPM	Hóa chất	41.5	-2.9%	0.8	706	18.9	2,903	14.3	1.9	10.4%	13.6%
DCM	Hóa chất	31.1	-4.9%	0.7	716	16.8	1,169	26.6	2.5	4.0%	9.4%
VCB	Ngân hàng	96.0	-0.5%	1.1	15,481	5.2	5,534	17.3	3.4	23.6%	21.1%
BID	Ngân hàng	39.3	-0.5%	1.3	6,872	3.1	2,464	15.9	1.9	16.6%	12.6%
CTG	Ngân hàng	30.2	-1.5%	1.3	6,310	12.9	3,417	8.8	1.6	24.5%	19.0%
VPB	Ngân hàng	38.4	2.4%	1.2	7,422	25.0	2,807	13.7	2.8	15.4%	23.0%
MBB	Ngân hàng	28.4	0.0%	1.2	4,665	10.3	2,764	10.3	2.0	23.2%	21.5%
ACB	Ngân hàng	32.0	-0.6%	1.0	3,759	6.4	3,589	8.9	2.1	30.0%	27.2%
BMP	Nhựa	53.1	0.0%	0.7	189	0.1	4,762	11.2	1.9	83.5%	16.4%
NTP	Nhựa	51.5	0.2%	0.4	264	0.1	4,085	12.6	2.2	18.7%	18.3%
MSR	Tài nguyên	26.0	3.2%	0.7	1,243	1.7	39	666.7	2.0	10.1%	0.3%
HPG	Thép	57.9	1.0%	1.1	11,260	52.3	5,616	10.3	3.5	25.3%	39.8%
HSG	Thép	49.9	0.2%	1.4	1,070	23.6	7,745	6.4	2.5	11.7%	47.9%
VNM	Tiêu dùng	89.8	-0.2%	0.6	8,160	9.0	4,572	19.6	5.9	54.7%	30.9%
SAB	Tiêu dùng	160.0	-1.7%	0.8	4,461	1.5	7,293	21.9	4.9	62.7%	24.3%
MSN	Tiêu dùng	143.0	1.4%	0.9	7,340	3.9	1,787	80.0	7.9	32.3%	9.4%
SBT	Tiêu dùng	21.1	-2.5%	1.2	576	5.1	951	22.1	1.6	7.8%	7.4%
ACV	Vận tải	85.3	-1.0%	0.8	8,074	0.3	577	147.8	4.9	3.7%	3.4%
VJC	Vận tải	131.2	-0.4%	1.1	3,090	4.8	279		4.2	17.6%	0.9%
HVN	Vận tải	25.6	-1.7%	1.7	2,469	1.1	(7,644)		N/A	N/A	-155.4%
GMD	Vận tải	51.5	1.2%	1.0	675	16.0	1,357	37.9	2.5	40.5%	6.7%
PVT	Vận tải	25.2	0.4%	1.4	355	5.3	2,487	10.1	1.7	13.7%	17.0%
VCS	Vật liệu xây dựng	131.5	0.8%	0.9	915	1.6	9,519	13.8	5.0	3.7%	44.7%
VGC	Vật liệu xây dựng	34.2	-0.3%	0.4	667	0.9	2,098	16.3	2.4	4.2%	14.4%
HT1	Vật liệu xây dựng	24.7	-0.6%	0.9	409	4.5	1,653	14.9	1.7	3.1%	11.3%
CTD	Xây dựng	68.2	-1.4%	1.0	219	1.3	2,005	34.0	0.6	44.8%	1.8%
CII	Xây dựng	19.1	-2.3%	0.6	198	4.0	127	150.6	1.0	21.9%	0.6%
REE	Điện	74.0	1.4%	-1.4	994	1.9	5,807	12.7	1.9	49.0%	15.8%
PC1	Điện	38.5	-3.0%	-0.4	320	6.6	3,445	11.2	1.7	7.3%	17.5%
POW	Điện	12.4	0.4%	0.6	1,257	7.2	1,079	11.5	1.0	2.9%	8.7%
NT2	Điện	22.2	0.0%	0.5	278	1.1	1,093	20.3	1.5	13.8%	7.3%
KBC	Khu công nghiệp	43.9	-3.0%	1.1	1,086	33.1	1,808	24.3	2.0	17.0%	8.6%
BCM	Khu công nghiệp	44.6	-1%	1.0	2,007	0.4			3.0	1.9%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GAS	116.50	4.02	2.28	3.11MLN
HPG	57.90	1.05	0.71	20.74MLN
MSN	143.00	1.42	0.63	634000
VPB	38.40	2.40	0.59	15.08MLN
PDR	94.00	2.96	0.35	4.90MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
CTG	0.00	-0.57	9.76MLN	1.11MLN
VCB	0.00	-0.49	1.25MLN	607060
SAB	0.00	-0.48	210800	373600
GVR	0.00	-0.37	4.12MLN	192700
MWG	0.00	-0.32	1.47MLN	611640

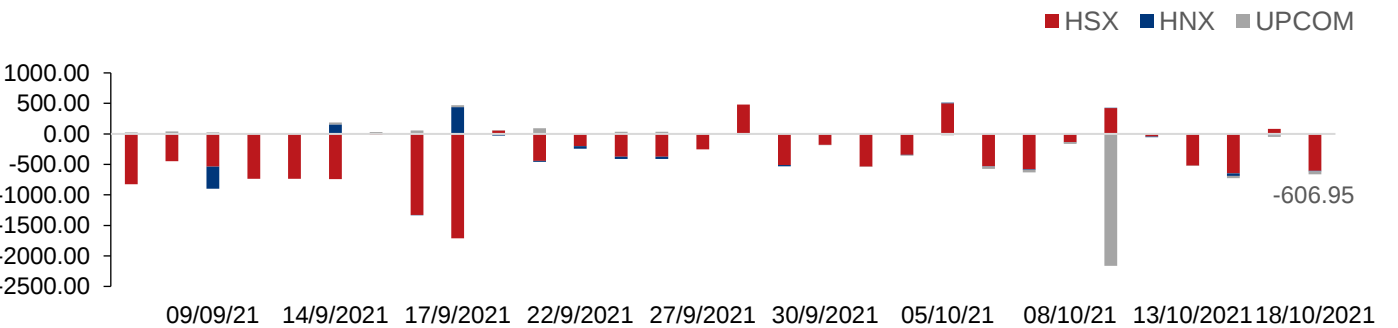
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
LGC	58.10	7.00	0.19	400.00
PXI	3.83	6.98	0.00	348400
TTE	9.83	6.96	0.01	200
TDG	8.76	6.96	0.00	1.21MLN
VIX	20.00	6.95	0.04	9.04MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TGG	28.25	-6.92	-0.02	616000
TDH	10.70	-6.55	-0.02	19.05MLN
PNC	8.60	-6.52	0.00	500.00
DRC	32.20	-5.85	-0.06	4.29MLN
HAS	12.35	-5.00	0.00	900

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	ACB	Ngân hàng	Mua	25/2/21	31.7	41.5	32.0	3,589	8.9	2.1	Click
2	AGG	Bất động sản	Mua	19/5/21	47.2	62.1					Click
3	ANV	Thủy sản	Mua	27/6/21	32.4	38.7	32.0	1,686	19.0	1.7	Click
4	C4G	Xây dựng	Mua	14/12/20	10.2	12.9	11.5	566	20.3	1.1	Click
5	CEO	Bất động sản	Theo dõi	7/6/21	10.8	12.5	11.0	-411		1.0	Click
6	CSV	Hóa chất	Theo dõi	22/3/21	32.8	40.0	48.0	3,949	12.2	2.1	Click
7	CTG	Ngân hàng	Mua	25/2/21	37.1	49.4	30.2	3,417	8.8	1.6	Click
8	DBC	Bán lẻ	Theo dõi	16/9/21	62.9	71.3	56.4	10,677	5.3	1.4	Click
9	DCM	Phân bón	Mua	4/1/21	17.5	21.1	31.1	1168.9	26.6	2.5	Click
10	DGC	Hóa chất	Mua	27/7/21	72.8	96.5	156.5	5,868	26.7	6.0	Click
11	DGW	Bán lẻ	Mua	25/2/21	92.1	110.3	112.3	4,602	24.4	7.1	Click
12	DPG	Bất động sản	Theo dõi	10/6/21	39.3	N/a	66.8	4,905	13.6	3.6	Click
13	DPM	Hóa chất	Mua	11/3/21	19.1	23.0	41.5	2,903	14.3	1.9	Click
14	DRC	Săm lốp	Mua	18/5/21	26.2	32.8	32.2	2,633	12.2	2.2	Click
15	DXG	Bất động sản	Mua	11/5/21	23.4	30.2	21.4	1,379		1.5	Click
16	FPT	Viễn thông	Mua	18/8/21	93.8	107.0	99.0	4,234	23.4	5.4	Click
17	GAS	Dầu khí	mua	6/9/21	90.4	109.4	116.5	4,077	28.6	4.8	Click
18	GVR	Khu công nghiệp	Mua	9/12/20	20.1	23.6	37.9	1,180	32.1	3.1	Click
19	HPG	VLXD	Mua	25/5/21	65.4	76.5	57.9	5,616	10.3	3.5	Click
20	HSG	VLXD	Mua	14/5/21	37.4	47.8	49.9	7,745	6.4	2.5	Click
21	HUT	Xây dựng	Theo dõi	21/5/21	6.5	7.6	10.1	-1,169		0.9	Click
22	ITD	Công nghệ	Mua	17/9/21	19.9	22.0	24.4	1,860	13.1	1.6	Click
23	KDH	Bất động sản	Theo dõi	31/8/21	39.8	n/a	44.3	1,966	22.5	3.2	Click
24	LHG	Bất động sản	Theo dõi	22/7/21	49.2	55.7	55.7	6,776	8.2	2.0	Click
25	MSH	Dệt may	Mua	13/5/21	50.6	66.4	88.2	6,547	13.5	3.1	Click
26	MWG	Bán lẻ	Mua	28/12/20	118.9	140.4	130.7	6,428	20.3	5.1	Click
27	NKG	Thép	Theo dõi	1/9/21	39.5	46.5	52.8	6,786	7.8	2.5	Click
28	NLG	Bất động sản	Mua	5/8/21	43.8	46.4	49.5	3,926	12.6	2.2	Click
29	NT2	Điện	Theo dõi	9/9/21	21.7	24.7	22.2	1,093	20.3	1.5	Click
30	PC1	Điện	Mua	7/6/21	26.8	32.8	38.5	3,445	11.2	1.7	Click
31	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/3/21	84.7	100.4	99.0	5,812	17.0	3.9	Click
32	POW	Điện	Theo dõi	18/5/21	12.0	13.8	12.4	1,079	11.5	1.0	Click
33	PVD	Dầu khí	Mua	5/3/21	25.3	29.6	25.9	0	1176.9	0.8	Click
34	PVS	Dầu khí	Mua	18/11/20	15.6	18.3	29.5	1,136	26.0	1.2	Click
35	SBT	Đường	Mua	26/3/21	22.7	27.6	21.1	951	22.1	1.6	Click
36	SGP	Cảng biển	Mua	13/7/21	21.1	25.0	39.1	1,064	36.7	4.0	Click
37	SMC	VLXD	Mua	13/5/21	39.6	48.6	54.9	16114.6	3.4	1.4	Click
38	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	39.8	52.0	52.9	4,613	11.5	2.2	Click
39	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	100.0	131.8	96.0	5,534	17.3	3.4	Click
40	VGT	Dệt may	Theo dõi	21/5/21	16.8	19.0	20.9	570	36.7	1.7	Click
41	VHC	Thủy sản	Mua	6/9/21	49.6	61.0	57.0	4,035	14.1	1.9	Click
42	VHM	Bất động sản	Mua	30/11/20	82.6	102.4	78.9	7,714	10.2	3.5	Click
43	VNM	Bán lẻ	Mua	19/8/21	90.0	105.6	89.8	4,572	19.6	5.9	Click
44	VPB	Ngân hàng	Mua	29/12/20	33.0	40.0	38.4	2,807	13.7	2.8	Click
45	VRE	Bất động sản	Theo dõi	16/8/21	28.1	34.1	30.8	1,195	25.8	2.3	Click
46	VSC	Cảng biển	Mua	10/9/21	63.8	77.0	64.8	5,006	12.9	1.9	Click
47	VTP	Viễn thông	Theo dõi	28/4/21	80.5	87.1	79.7	3,256	24.5	6.8	Click



Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ mô Thị trường Quý III 2021	x		Click
2	Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
3	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
4	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
5	Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
6	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
7	Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
8	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
9	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
10	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
11	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
12	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
13	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
14	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
15	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
16	Banking Sector Outlook		x	Click
17	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
18	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
19	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
20	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
21	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
22	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
23	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
24	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
25	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
26	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
27	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
28	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
29	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
30	Fishery Outlook 2021		x	Click
31	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click
32	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
33	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click
34	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
35	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
36	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
37	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
38	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		x	Click
39	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
40	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639